TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **81**/2022/DS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay T sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi
Ông Hà Trọng Tâm

***Thư kY phiên toà*:** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương, là Thư kY Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lY số: 407/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay T sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1972 và bà Lê Thị Như Y, sinh năm 1985; Cùng nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Nuôi, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp Bùng Binh, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1980
Bà Nguyễn Thị Cẩm Th, sinh năm 1985

Cùng nơi cư trú: Nhà không số, đường T, khóm 5, phường 6, thành phố C, tỉnh M.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Bà Nguyễn Thị Cẩm Th, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Nhà không số, đường T, khóm 5, phường 6, thành phố C, tỉnh M (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Thanh P, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10/4/2019 dương lịch, vợ chồng ông Trần Văn T và bà Lê Thị Như Y có cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Thị Cẩm Th vay số tiền là 2.400.000.000đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 02%/tháng. Khi vay phía ông N, bà Th có viết biên nhận nợ đối với số tiền trên. Từ khi vay tiền đến nay phía ông N, bà Th không thanh toán khoản nợ lãi cũng như khoản nợ vốn nào cho phía ông T, bà Y.

Mặc khác, vào khoảng năm 2018 ông T, bà Y có cho vợ chồng ông N, bà Th mượn số tiền là 364.000.000đồng, số tiền này không có lãi.

Ngoài ra, trước đó vào ngày 27/3/2018 dương lịch vợ chồng ông N, bà Th còn nhờ vợ chồng ông T, bà Y đứng ra vay dùm của ông Đặng Thanh P số tiền 1.500.000.000đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), có viết biên nhận nợ, lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng. Sau khi vay của ông P, vợ chồng ông T, bà Y đã đưa lại đủ số tiền trên cho vợ chồng bà Th, ông N. Khi vay số tiền này phía ông N, bà Th có thanh toán được cho ông P khoảng hơn 01 năm tiền lãi (tương đương với 540.000.000đồng) đến ngày 10/4/2019 ngưng trả lãi đến nay. Từ đó vợ chồng ông T, bà Y đã bỏ tiền ra thanh toán hết khoản nợ lãi và gốc cho ông P.

Ông Trần Văn T, bà Lê Thị Như Y khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Thị Cẩm Th thanh toán tổng số tiền nợ là 6.270.940.000đồng. Trong đó: Nợ gốc là 4.264.000.000đồng (2.400.000.000đồng + 1.500.000.000đồng + 364.000.000đồng); Nợ lãi tính từ ngày 10/4/2019 đến ngày 10/11/2021 (31 tháng) của hai khoản tiền vốn trên với lãi suất 1.66%/tháng bằng số tiền là 2.006.940.000đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Nuôi thay đổi lời trình bày và yêu cầu, cụ thể ông xác định:

Từ năm 2016 đến năm 2018, vợ chồng ông Trần Văn T và bà Lê Thị Như Y có cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Thị Cẩm Th vay hai lần với tổng số tiền là 2.400.000.000đồng. Lần vay thứ nhất vào năm 2016 với số tiền là 1.400.000.000đồng, lần vay thứ hai vào năm 2018 với số tiền là 1.000.000.000đồng, thời điểm vay cụ thể từng lần thì ông T, bà Y không nhớ rõ. Lãi suất thỏa thuận khi vay là 03%/tháng. Ngày 10/4/2019, ông N và bà Th viết lại biên nhận nợ ông T, bà Y số tiền nợ vốn là 2.400.000.000đồng, kể từ thời điểm này lãi suất thỏa thuận giữa các bên là 02%/tháng.

Quá trình vay vợ chồng ông N, bà Th có thanh toán lãi đối với khoản nợ trên nhưng không đúng và đủ theo thỏa thuận nên đến ngày 10/4/2019 ông N, bà Th có ghi biên nhận nợ còn nợ lãi năm 2018 số tiền là 364.000.000đồng. Còn cách tính như thế nào để ra số tiền lãi này cũng như lãi trên số tiền nợ vốn nào và lãi suất bao nhiêu, từ thời điểm nào thì ông T, bà Y không nhớ rõ.

Nay ông T, bà Y khởi kiện yêu cầu ông N, bà Th thanh toán:

- Nợ vốn là 3.900.000.000đồng.

- Nợ lãi của năm 2018 số tiền là 364.000.000đồng.

- Và khoản nợ lãi phát sinh của số tiền nợ vốn cụ thể:

+ Đối với khoản nợ 2.400.000.000đồng. Lãi tính từ ngày 24/02/2020 đến ngày 12/4/2022 với mức lãi suất 20%/năm (1.66%/tháng) bằng số tiền 1.015.920.000đồng.

+ Đối với khoản nợ 1.500.000.000đồng. Lãi tính từ ngày 10/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12/4/2022, làm tròn 03 năm với mức lãi suất 20%/năm (1.66%/tháng) bằng số tiền là 896.400.000đồng.

Phía nguyên đơn đồng Y đối trừ phần lãi mà bị đơn đã thanh toán vượt so với lãi suất quy định.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm Th trình bày: Bà với ông Nguyễn Thanh N có mối quan hệ là vợ chồng. Vào thời điểm năm 2016, phía vợ chồng ông T, bà Y có cho vợ chồng bà vay số tiền là 1.400.000.000đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng. Đến năm 2018, phía ông T, bà Y tiếp tục cho vợ chồng bà vay số tiền là 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng), lãi suất thỏa thuận khi vay cũng là 03%/tháng. Mặc dù gọi là vay nhưng thực tế là hình thức góp vốn để đầu tư kinh doanh lĩnh vực vận tải do vợ chồng bà kinh doanh dịch vụ vận tải với hình thức đăng kY là Công ty TNHH MTV Hòa Hiệp do ông Nguyễn Thanh N là Giám đốc. Khi đó giữa đôi bên không viết biên nhận nợ, phía vợ chồng bà có ghi phiếu góp vốn cho ông T, bà Y và thỏa thuận lợi nhuận hàng tháng sẽ thanh toán theo mức lãi suất 03%/tháng đối với số tiền góp vốn. Bà xác định giấy góp vốn này phía ông T, bà Y đang giữ.

Cũng vào năm 2018 (không nhớ rõ ngày tháng) do thấy công việc làm ăn thuận lợi, được chia hoa hồng đầy đủ nên phía ông T, bà Y tiếp tục cho vợ chồng bà vay thêm số tiền 1.500.000.000đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng. Nguồn gốc của số tiền này thì bà được nghe phía ông T, bà Y nói lại là vay của ông Đặng Thanh P, giữa bà và ông P không giao dịch vay mượn trực tiếp lần nào. Bà chỉ giao dịch vay tiền trực tiếp với phía ông T, bà Y. Phía nguyên đơn xác định vợ chồng bà ngưng thanh toán lãi vào ngày 10/4/2019 là không đúng. Bà vẫn chia hoa hồng (bằng hình thức thanh toán lãi) đầy đủ đến ngày 24/02/2020 thì do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp nên việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn, từ đó vợ chồng bà bị mất khả năng thanh toán nên ngưng trả lãi đến nay.

Đến năm 2020, phía vợ chồng ông T, bà Y có liên hệ và chủ động giảm lãi suất cho vay đối với vợ chồng bà xuống còn 02%/tháng và yêu cầu viết giấy mượn tiền đề ngày 10/4/2019 nợ số tiền là 2.400.000.000đồng. Việc ghi ngày này là do ghi theo yêu cầu của ông T, bà Y, thật sự giấy mượn tiền trên được viết vào năm 2020 trong thời gian dịch bệnh Covid 19 đang bùng phát.

Đối với khoản nợ 364.000.000đồng là khoản lãi được cộng dồn từ năm 2016 do ông T, bà Y sợ vợ chồng bà không hoàn lại nên yêu cầu bà viết giấy nhận nợ. Còn cách tính như thế nào để ra số tiền lãi này cũng như lãi trên số tiền nợ vốn nào và lãi suất bao nhiêu, từ thời điểm nào thì bà không nhớ rõ. Biên nhận nợ lãi này là do bà Y và ông T tính sau đó yêu cầu bà ghi lại.

Nay phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ vay, vợ chồng bà chỉ đồng Y thanh toán số tiền nợ gốc là 3.900.000.000đồng và khoản tiền nợ lãi 364.000.000đồng, không đồng Y thanh toán tiền lãi phát sinh theo yêu cầu nguyên đơn với lY do quá trình kinh doanh gặp nhiều khó khăn, thua lỗ nên chỉ hoàn vốn chứ không đồng Y thanh toán lãi.

Tại phiên tòa, bà Th thay đổi lời trình bày xác định số tiền nợ 2.400.000.000đồng là tiền vay và số tiền nợ 1.500.000.000đồng là tiền góp vốn kinh doanh không phải tiền vay nên chỉ đồng Y hoàn vốn, không đồng Y trả lãi theo yêu cầu nguyên đơn.

Tại Văn bản Y kiến đề ngày 15/12/2021 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Thanh P trình bày: Vào ngày 27/3/2018 thì vợ chồng ông N, bà Th có nhờ ông T, bà Y đứng ra vay dùm của ông số tiền là 1.500.000.000đồng, lãi suất 03%/tháng. Quá trình vay ông N, bà Th có đóng lãi cho ông được khoảng 01 năm tương đương với số tiền khoảng 540.000.000đồng thì ngưng. Hiện ông T, bà Y đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán xong khoản nợ trên cho ông nên ông không yêu cầu gì đối với ông N, bà Th. Trường hợp có yêu cầu gì khác, ông sẽ khởi kiện sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Thanh P có đơn xin vắng mặt trong toàn quá trình tham gia tố tụng của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp xuất phát từ hợp đồng vay nên khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả vốn vay và lãi phát sinh. Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm Th cho rằng ngoài số tiền vay là 2.400.000.000đồng thì số tiền nợ 1.500.000.000đồng mà nguyên đơn yêu cầu phát sinh từ việc các bên thỏa thuận góp vốn kinh doanh nhưng bà Th không chứng minh được việc nguyên đơn góp vốn. Tại các biên nhận nợ đề ngày 10/4/2019, ngày 27/3/2018 thể hiện giữa các bên có tiến hành giao dịch vay tiền, phù hợp với trình bày của nguyên đơn nên có cơ sở xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay T sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay T sản, có thỏa thuận lãi suất. Việc vay và cho vay T sản giữa các đương sự được thiết lập trên tinh thần tự nguyện. Nguyên đơn

yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay gồm nợ gốc là 3.900.000.000đồng và lãi suất theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vay tiền giữa các bên là thực tế có xảy ra và được bị đơn thừa nhận. Cụ thể tại biên nhận nợ đề ngày 10/04/2019 thể hiện *"hôm nay, ngày 10/4/2019 tôi tên Nguyễn Thanh N, sn:1980 và vợ Nguyễn Thị Cẩm Th, sn: 1985 cùng ngụ khóm 5, phường 6, thành phố Cà Mau có mượn vợ chồng Trần Văn T và Lê Thị Như Y số tiền là 2.400.000.000đ (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) lãi suất 2%/tháng (là 48.000.000đ/tháng).* Đối với khoản nợ 1.500.000.000đồng, nguyên đơn xác định vay của ông P để đưa cho bị đơn. Tại biên nhận nợ đề ngày 27/3/2018 thể hiện nội dung "*hôm nay, ngày 27/3/2018 tôi Nguyễn Thanh N và vợ Nguyễn Thị Cẩm Th cùng ngụ khóm 5, phường 6, thành phố Cà Mau có mượn ông Đặng Thanh P ngụ: ấp đông Hưng, xã Đông Thành, thị xã bình minh số tiền là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu đồng) lãi suất 3%/tháng (45.000.000đồng/tháng)*. Hiện nguyên đơn xác định đã thanh toán đủ cho ông P và được ông P thừa nhận tại Văn bản Y kiến đề ngày 15/12/2021 nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán lại số tiền trên. Phía bị đơn cũng thừa nhận số nợ này và đồng Y thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 1.500.000.000đồng. Tổng cộng số nợ gốc bị đơn đồng Y thanh toán cho nguyên đơn là 3.900.000.000đồng. Vấn đề còn lại các bên tranh chấp với nhau là về thời gian ngưng thanh toán, số tiền lãi đã và phải trả.

[4] Về lãi suất:

Lãi đối với khoản nợ vốn 2.400.000.000đồng: Theo Giấy mượn tiền đề ngày 10/4/2019 thể hiện lãi suất thỏa thuận giữa các bên là 02%/tháng. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày lãi suất thỏa thuận khi vay giữa các bên đối với khoản vay trên là 02%/tháng. Thời gian ngưng thanh toán lãi, bị đơn xác định là từ ngày 24/02/2020 dương lịch, ông Nguyễn Văn Nuôi xác định bị đơn có thanh toán lãi cho nguyên đơn nhưng không đầy đủ và thống nhất chỉ yêu cầu tính lãi kể từ ngày 24/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12/4/2022. Tuy nhiên, lãi suất các bên thỏa thuận là cao hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Như vậy, số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tính từ ngày 24/02/2020 đến ngày 12/4/2022 là 02 năm 01 tháng 18 ngày x 2.400.000.000đồng x 20%/năm = 1.024.000.000đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán lãi đối với khoản nợ trên với mức lãi suất theo quy định với số tiền là 1.015.920.000đồng. Xét thấy việc yêu cầu này của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có lợi cho phía bị đơn nên được chấp nhận **(1).**

Lãi đối với khoản nợ vốn 1.500.000.000đồng: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định lãi suất thỏa thuận khi vay là 03%/tháng và thời điểm vay là ngày 27/3/2018 dương lịch. Bị đơn xác định có thanh toán lãi nhưng không nhớ rõ cụ thể số tiền bao nhiêu do thanh toán cùng chung với khoản nợ vay 2.400.000.000đồng, hình thức thanh toán lãi có khi chuyển khoản, có khi ông T, bà Y nhận tiền mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bà Th có nộp cho Tòa án các hóa đơn và sao kê chi tiết T khoản khách hàng của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi

nhánh Cà Mau (VIB) và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cà Mau (Sacombank) thể hiện có giao dịch chuyển khoản nhưng không thể hiện nội dung giao dịch gì và bà cũng không giải thích được cách tính lãi bao nhiêu trên số tiền nợ gốc nào để được số tiền như trên các hóa đơn, bản sao kê chi tiết thể hiện. Trong khi đó, phía nguyên đơn thừa nhận, bị đơn đã thanh toán tiền lãi đến ngày 10/4/2019 với số tiền khoảng 540.000.000đồng thì ngưng thanh toán và yêu cầu thanh toán lãi tính từ ngày 10/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12/4/2022 với mức lãi suất 20%/năm (1.66%/tháng) bằng số tiền là 896.400.000đồng.

Do lãi suất các bên thỏa thuận là cao hơn so với quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được điều chỉnh lại như sau:

Lãi suất tính từ ngày 27/3/2018 đến ngày 10/4/2019 là 1.500.000.000đồng x 20%/năm x 01 năm 13 ngày = 310.833.000đồng. Bị đơn đã thanh toán lãi số tiền là 540.000.000đồng, đối trừ vào tiền vốn còn nợ là 1.500.000.000đồng, số tiền vốn còn nợ lại là 1.500.000.000đồng – (540.000.000đồng – 310.833.000đồng) = **1.270.833.000đồng**.

Lãi suất tính từ ngày 11/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12/4/2022 (đại diện nguyên đơn yêu cầu làm tròn 03 năm) với số tiền là 03 năm x 1.270.883.000đồng x 20%/năm = 762.530.000đồng.

Như vậy, số tiền lãi bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn đối với khoản nợ 1.500.000.000đồng là 762.530.000đồng **(2).**

Riêng đối với số tiền nợ 364.000.000đồng, tại đơn khởi kiện và phiên hòa giải ngày 11/01/2022 thì nguyên đơn xác định đây là tiền nợ gốc, bà Th xác định đây là tiền nợ lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nuôi thừa nhận đây là tiền nợ lãi. Hiện các bên xác định không nhớ rõ số tiền nợ lãi trên là từ khoản nợ gốc nào, lãi suất bao nhiêu, thời gian vay cũng như số tiền lãi bị đơn đã thanh toán. Nay nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi 364.000.000đồng, bị đơn thống nhất còn nợ và đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ lãi là 364.000.000đồng nên ghi nhận sự tự nguyện này của bị đơn **(3).**

[5] Như vậy, tổng số tiền bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là: số vốn còn thiếu là 2.400.000.000đồng + 1.270.883.000đồng = **3.670.883.000đồng.**

Lãi tổng cộng 1.015.920.000đồng (1) + 762.530.000đồng (2) + 364.000.000đồng (3) là **2.142.450.000đồng.**

Tổng cộng cả vốn và lãi bị đơn có trách nhiệm phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền là **5.813.333.000đồng**.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T, bà Lê Thị Như Y. Buộc ông Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Thị Cẩm Th thanh toán cho ông Trần Văn T, bà Lê Thị Như Y tổng số tiền là **5.813.333.000đồng** *(Năm tỷ, tám trăm mười ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).*

Kể từ ngày ông Trần Văn T, bà Lê Thị Như Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Thị Cẩm Th không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Thị Cẩm Th phải nộp là 113.813.000đồng (chưa nộp). Ông Trần Văn T, bà Lê Thị Như Y không phải nộp, ngày 30/11/2021 ông T, bà Y đã dự nộp số tiền 57.135.000đồng theo biên lai số 0000697 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thùy Nhiêu